

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/11/2019

*V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tâm;
2. Bà Phạm Thị Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 186/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: Thôn An Nhơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Ngô Đình V, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú: Thôn An Tây, xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019, bản tự khai ngày 23/10/2019, biên bản hòa giải ngày 23/10/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Đình V tự nguyện kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh V ăn chơi cờ bạc, đánh đập chị nhiều lần. Tháng 12/2018, chị B dẫn con về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị yêu cầu được ly hôn anh Ngô Đình V.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Ngô Huỳnh Bảo Phước, sinh ngày 08/4/2017, hiện nay đang ở với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 07/10/2019 và tại phiên hòa giải ngày 23/10/2019, bị đơn anh Ngô Đình V trình bày:* Về đăng ký kết hôn, nợ, tài sản, con chung như chị B trình bày là đúng. Nay chị B xin ly hôn, anh đồng ý, khi ly hôn anh yêu cầu được nhận nuôi con chung là Ngô Huỳnh Bảo Phước, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B về việc xin ly hôn anh Ngô Đình V; giao con chung là cháu Ngô Huỳnh Bảo Phước cho chị B tiếp tục nhận nuôi dưỡng; chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung các đương sự khai không có nên không giải quyết; chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết nuôi con chung, bị đơn cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng pháp luật.

[1.2]. Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nhận hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự và thủ tục xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Đình V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2016, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường hay cãi vã, xô xát do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải, nhưng từ tháng 12/2018 chị B dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống ly thân anh V đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Ngô Đình V.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh V có một con chung tên là Ngô Huỳnh Bảo Phước, sinh ngày 08/4/2017 (hiện đang ở với chị B). Khi ly hôn, chị B và anh V đều yêu cầu được nhận nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Phước hiện nay dưới 36 tháng tuổi; từ khi ly thân đến nay ở với chị B; chị B hiện nay làm công nhân, thu nhập tương đối ổn định. Do đó, giao cháu Phước cho chị B tiếp tục nhận nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị B không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh V đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002228 ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các Điều 51, 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B. Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Ngô Đình V.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

- Giao cháu Ngô Huỳnh Bảo Phước, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nhận nuôi dưỡng (hiện nay cháu Phước đang sống với chị B).

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Ngô Đình V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Đình V đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002228 ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về kháng cáo: Nguyễn Thị B và anh Ngô Đình V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Bón

Lê Thị Ngọc Lâm

Trương Thanh Hòa

